

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư phát triển tỉnh Thanh Hoá năm 2012.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2113/QĐ-TTg ngày 28/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2012; Quyết định số 2880/QĐ-BTC ngày 28/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2012 cho tỉnh Thanh Hoá;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2011/NQ-HĐND ngày 17/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá khoá XVI, kỳ họp thứ 3 về việc thông qua kế hoạch đầu tư phát triển năm 2012 tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch đầu tư phát triển của tỉnh Thanh Hóa năm 2012 để các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện, với các nội dung chính như sau:

1. Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: 686 tỷ đồng.

a) Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 85 tỷ đồng, trong đó:

- Trả nợ vay Ngân hàng phát triển: 34,755 tỷ đồng;

- Thực hiện dự án: 50,245 tỷ đồng.

b) Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí: 601 tỷ đồng (bao gồm 100 tỷ đồng bổ sung từ nguồn vượt thu và dự phòng năm 2011 của tỉnh), trong đó:

- Bố trí vốn hỗ trợ thực hiện các cơ chế chính sách và vốn đối ứng cho các dự án sử dụng nguồn vốn ODA, dự án Trung ương đầu tư trên địa bàn: 86,55 tỷ đồng;

- Thanh toán cho các dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2011: 142,494 tỷ đồng;

- Bố trí cho các dự án chuyển tiếp: 171,956 tỷ đồng;

- Bố trí cho các dự án khởi công mới và chuẩn bị đầu tư: 200 tỷ đồng.

(Danh mục chi tiết và mức vốn cụ thể có phụ lục và phụ biểu kèm theo)

2. Nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, vốn trái phiếu Chính phủ:

UBND tỉnh sẽ báo cáo Thường trực HĐND tỉnh để giao kế hoạch cho các đơn vị và các chủ đầu tư thực hiện sau khi có quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Vốn nước ngoài (vốn ODA): Thực hiện theo quyết định giao kế hoạch của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các ngành và đơn vị liên quan, căn cứ Nghị quyết số 16/2011/NQ-HĐND ngày 17/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ 3; nội dung phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, các quy định hiện hành của pháp luật và thực tế triển khai thực hiện các công trình, dự án thuộc phạm vi quản lý của tỉnh để cụ thể hoá kế hoạch, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Trên cơ sở kế hoạch đầu tư phát triển năm 2012 được UBND tỉnh giao, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố định kỳ báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện của ngành, địa phương, đơn vị mình gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Văn phòng Chính phủ (để b/cáo);
- Các Bộ: KH & ĐT, Tài chính (để b/cáo);
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH (02).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Văn Chiến

CHI TIẾT

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI CỦA ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2012
(Kèm theo Quyết định số 4299 /2011/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	DANH MỤC DỰ ÁN	Yêu cầu vốn	Đã đầu tư	Vốn còn thiếu	Kế hoạch năm 2012	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	TỔNG SỐ	3	4	5	6	7	8
A	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT				686.000 85.000		
I	Trả nợ vay Ngân hàng phát triển				34.755		Trả nợ vốn vay tín dụng đầu tư vùng thâm canh lúa năng suất, chất lượng hiệu quả cao; kiên cố hóa kênh mương, phát triển giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề.
II	Dự án hoàn thành đã có quyết toán được duyệt đến ngày 15/11/2011	29.753	21.588	8.165	8.165		
1	Cải tạo, nâng cấp đường Phan Chu Trinh, TP. Thanh Hóa (đoạn từ quốc lộ 1A đến đường Hạc Thanh).	12.956	10.000	2.956	2.956	UBND TP. Thanh Hóa	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.
2	Đường từ cầu Đông Hương đi Khu công nghiệp Lễ Môn (hạng mục công kỹ thuật qua đường).	550	368	182	182	UBND TP. Thanh Hóa	-nt-
3	Lát đá vỉa hè, trồng cây xanh đường Hải Thượng Lãn Ông, TP. Thanh Hóa.	4.753	2.820	1.933	1.933	UBND TP. Thanh Hóa	-nt-
4	Cải tạo, nâng cấp lát đá, vỉa hè, trồng cây xanh Đại lộ Lê Lợi - TP. Thanh Hóa.	4.730	4.200	530	530	UBND TP. Thanh Hóa	-nt-
5	Lắp hệ thống điện trang trí trên cầu Hàm Rồng và lắp đèn LED thấp sáng chữ Quyết Thắng, phường Hàm Rồng, TP. Thanh Hóa.	1.715	1.000	715	715	UBND TP. Thanh Hóa	-nt-
6	Trồng cây xanh Quốc lộ 1A đoạn qua TP. Thanh Hóa.	4.044	2.500	1.544	1.544	UBND TP. Thanh Hóa	-nt-

1	2	3	4	5	6	7	8
7	Cải tạo nâng cấp đường Trần Khai Chân phường Hàn Rông, TP. Thanh Hóa	1.005	700	305	305	UBND TP. Thanh Hoá	-nt-
III	Dự án chuyển tiếp	101.402	32.700	68.702	32.080		
*	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2012</i>	59.935	20.200	39.735	19.700		
1	Đường Dương Đình Nghệ kéo dài (phần NS tỉnh hỗ trợ).	34.378	10.000	24.378	12.000	UBND TP. Thanh Hóa	Hoàn thành dự án.
2	Cải tạo nâng cấp đường Lê Hoàn, TP Thanh Hoá (phần NS tỉnh hỗ trợ).	12.960	3.200	9.760	5.900	UBND TP. Thanh Hoá	-nt-
3	Cầu Đông Phát nối khu chung cư Đông Phát với khu chung cư phường Đông Vệ, đường Đông Tây TP. Thanh Hoá.	12.598	7.000	5.598	1.800	UBND TP. Thanh Hoá	-nt-
*	<i>Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2012</i>	41.467	12.500	28.967	12.380		
1	Đường Đông Hương 2 (phần NS tỉnh hỗ trợ).	29.774	12.500	17.274	6.000	UBND TP Thanh Hoá	Tiếp tục thực hiện dự án
2	Cải tạo nâng cấp đường Thành Thái, phường Đông Thọ, TP. Thanh Hóa (phần NS tỉnh hỗ trợ).	11.693		11.693	6.380	UBND TP. Thanh Hoá	-nt-
IV	Dự án khởi công mới	33.869		33.869	10.000		
1	Đường Đông Hương 1, đoạn từ Đại lộ Lê Lợi đến đường Đông Hương 2, TP. Thanh Hóa (phần NS tỉnh hỗ trợ).	33.869		33.869	10.000	UBND TP. Thanh Hóa	Triển khai thực hiện dự án.
B	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ				601.000		
I	Bố trí vốn hỗ trợ thực hiện các cơ chế chính sách và vốn đối ứng cho các dự án ODA, dự án TW đầu tư trên địa bàn				86.550		
1	Hỗ trợ đầu tư các công trình cấp huyện quản lý theo QĐ 2539/2009/QĐ-UBND ngày 5/8/2009 của UBND tỉnh.	93.453	78.904	14.549	6.550		Thanh toán cho các dự án hoàn thành đã có quyết toán được duyệt (Chi tiết có phụ biểu 1 kèm theo).
2	Hỗ trợ đầu tư trụ sở cơ quan hành chính nhà nước cấp xã theo QĐ 3923/2006/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 của UBND tỉnh.	248.090	212.556	35.534	12.000		Thanh toán cho các dự án hoàn thành đã có quyết toán được duyệt và bố trí đảm bảo 70% nhu cầu vốn cho các dự án hoàn thành đã được đầu tư giai đoạn 2007 - 2011 (Chi tiết có phụ biểu 2 kèm theo).



1	2	3	4	5	6	7	8
3	Vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và dự án Trung ương đầu tư trên địa bàn.						Bổ trí vốn theo tiến độ thực hiện (Chi tiết có phụ biểu 3 kèm theo).
II	Dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2011	615.163	366.779	248.384	142.494		
*	<i>Dự án hoàn thành đã có quyết toán được duyệt đến ngày 15/11/2011</i>	411.486	306.892	104.594	104.594		
1	Đường vành đai thị xã Sầm Sơn (hang mục nền, mặt đường và hệ thống thoát nước).	10.721	10.537	184	184	UBND TX. Sầm Sơn	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.
2	Cầu qua sông Lý xã Quảng Khê, huyện Quảng Xương (phần NS tỉnh hỗ trợ).	3.609	3.300	309	309	UBND huyện Quảng Xương	-nt-
3	Hệ thống xử lý nước thải trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Thanh Hóa.	3.481	2.391	1.090	1.090	Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh	-nt-
4	Nâng cấp đường vào các thôn đồng bào Mường và khu di tích Lăng Trường Nguyễn Thiên Tôn xã Hà Long, huyện Hà Trung.	4.533	3.600	933	933	UBND huyện Hà Trung	-nt-
5	Cầu Hành Phúc, huyện Thọ Xuân.	37.970	28.840	9.130	9.130	Sở Giao thông Vận tải	-nt-
6	Bến phà qua sông Mã thuộc địa phận huyện Yên Định - Vĩnh Lộc.	4.797	4.400	397	397	Sở Giao thông Vận tải	-nt-
7	Đường giao thông Cầu Trắng - Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn (phần NS tỉnh hỗ trợ).	4.366	4.050	316	316	UBND huyện Triệu Sơn	-nt-
8	Sửa chữa bảo trì trụ sở làm việc liên cơ quan Hội cựu chiến binh - Hội Nông dân - Tỉnh đoàn thanh niên.	2.192	1.700	492	492	Tỉnh đoàn thanh niên	-nt-
9	Nhà công vụ khối an ninh nhân dân thuộc Công an tỉnh.	7.220	5.300	1.920	1.920	Công an tỉnh Thanh Hóa	-nt-
10	Trụ sở làm việc Trung tâm phát triển quỹ đất.	8.427	5.118	3.309	3.309	Trung tâm phát triển quỹ đất	-nt-
11	Cải tạo trụ sở Huyện uỷ và ngành dân vận huyện Bá Thước.	2.712	1.600	1.112	1.112	Huyện uỷ Bá Thước	-nt-
12	Trụ sở làm việc cơ quan Huyện uỷ Ngọc Lặc.	16.414	9.100	7.314	7.314	Huyện uỷ Ngọc Lặc	-nt-
13	Cải tạo, mở rộng, nâng cấp trụ sở làm việc UBND - UBND TX. Bim Sơn (phần NS tỉnh hỗ trợ).	9.897	8.250	1.647	1.647	UBND TX. Bim Sơn	-nt-



1	2	3	4	5	6	7	8
14	Trụ sở làm việc UBND huyện Cẩm Thủy.	3.270	1.500	1.770	1.770	UBND huyện Cẩm Thủy	-nt-
15	Phòng công chứng số 2, huyện Ngọc Lặc.	2.337	1.700	637	637	Sở Tư pháp	-nt-
16	Trạm thú y các huyện: Quan Sơn, Quan Hóa, Sơn Sơn, Như Thanh và Thường Xuân.	11.344	6.421	4.923	4.923	Chi cục thú y Thanh Hoá	-nt-
17	Sửa chữa nhà làm việc Hội chữ thập đỏ tỉnh Thanh Hoá.	768	600	168	168	Hội chữ thập đỏ Thanh Hoá	-nt-
18	Tôn tạo hầm làm việc và chi huy của Thường trực Ủy ban hành chính tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 1964 - 1972.	745		745	745	Sở Xây dựng	-nt-
19	Tôn tạo phần mộ và nơi thờ cúng Ông Lê Thế Long, nguyên Bí thư Tỉnh uỷ Thanh Hoá.	604	500	104	104	Sở Xây dựng	-nt-
20	Cải tạo nâng cấp đường chạy Sân vận động tỉnh.	8.246	6.200	2.046	2.046	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao	-nt-
21	Trang thiết bị và công nghệ nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm công nghệ thông tin và Truyền thông Thanh Hóa.	3.619	2.900	719	719	Trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông	-nt-
22	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Nông Công (phần NS tình hỗ trợ).	1.287	600	687	687	UBND huyện Nông Công	-nt-
23	Cải tạo, nâng cấp các hạng mục phụ trợ Sân vận động tỉnh.	4.579	3.500	1.079	1.079	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao	-nt-
24	Kiến có hoá kênh B2, B4, B6, B1 và B1-2 hệ thống thủy nông Nam sông Mã, huyện Yên Định.	19.612	13.700	5.912	5.912	UBND huyện Yên Định	-nt-
25	Kênh tưới đập bản Sài xã Thiên Phú, huyện Quan Hóa.	2.775	2.200	575	575	UBND huyện Quan Hóa	-nt-
26	Mua sắm trang thiết bị đào tạo chuyên ngành xét nghiệm đa khoa và kỹ thuật hình ảnh Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hoá.	7.348	5.600	1.748	1.748	Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hoá	-nt-
27	Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất nơi ăn ở, luyện tập Đội bóng đá tỉnh Thanh Hoá.	4.110	3.376	734	734	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	-nt-
28	Khu liên kiểm cửa khẩu Na Mèo.	23.710	21.786	1.924	1.924	Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng Thanh Hóa	-nt-

1	2	3	4	5	6	7	8
29	Bảo tồn tôn tạo Khu di tích lịch sử Cửa Đạt, huyện Thường Xuân (phần NS tỉnh hỗ trợ).	2.948		2.948	2.948	UBND huyện Thường Xuân	-nt-
30	Cải tạo nâng cấp các tuyến tỉnh lộ trên địa bàn huyện Nga Sơn (đoạn Báo Văn-Nga Tư Sĩ -Nga Phú).	20.807	19.479	1.328	1.328	UBND huyện Nga Sơn	-nt-
31	Hà tầng khu tái định cư xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân (phần NS tỉnh đầu tư).	39.993	34.130	5.863	5.863	UBND huyện Thọ Xuân	-nt-
32	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc cơ quan Thị ủy Bim Sơn.	7.813	5.950	1.863	1.863	Thị ủy Bim Sơn	-nt-
33	Nhà công vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa.	16.586	13.400	3.186	3.186	Văn phòng Tỉnh ủy Thanh Hóa	-nt-
34	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp nhà làm việc Ban Tuyên giáo và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.	7.760	5.500	2.260	2.260	Ban tuyên giáo Tỉnh ủy	-nt-
35	Sửa chữa cải tạo, trung tâm hội nghị tỉnh Thanh Hóa.	10.523	8.000	2.523	2.523	Nhà khách văn phòng UBND tỉnh	-nt-
36	Sửa chữa, cải tạo và nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Liên Sơn xã Hùng Sơn, huyện Tĩnh Gia.	3.410	850	2.560	2.560	UBND huyện Tĩnh Gia	-nt-
37	Sửa chữa, cải tạo và nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Đòng Dàng xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia.	3.526	1.100	2.426	2.426	UBND huyện Tĩnh Gia	-nt-
38	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đòng Khuỳnh xã Công Liêm, huyện Nông Cống.	6.246	2.650	3.596	3.596	UBND huyện Nông Cống	-nt-
39	Tiêu tại đầu mối kênh Thanh Niên xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung.	2.149	800	1.349	1.349	UBND huyện Hà Trung	-nt-
40	Trường THCS Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hoá.	5.520	4.396	1.124	1.124	UBND huyện Thiệu Hoá	-nt-
41	Nhà ăn và tiếp khách Lào.	1.484	1.150	334	334	UBND huyện Quan Sơn	-nt-
42	Nhà khoa chống nhiễm khuẩn - Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa.	4.915	4.430	485	485	Bệnh viện Phụ sản	-nt-
43	Trang thiết bị bệnh viện Phụ sản.	9.872	8.000	1.872	1.872	Bệnh viện Phụ sản	-nt-

1	2	3	4	5	6	7	8
44	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng trung tâm Điều dưỡng người có công Thanh Hoá để phục vụ nuôi dưỡng đối tượng nhiễm chất độc da cam/đioxin	18.862	10.000	8.862	8.862	Trung tâm điều dưỡng người có công	-nt-
45	Trụ sở cơ quan hành chính đô thị mới Nghi Sơn	20.091	17.788	2.303	2.303	Ban quản lý KKT Nghi Sơn	-nt-
46	Nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc UBND - UBND* huyện Hoằng Hoá.	18.288	10.500	7.788	7.788	UBND huyện Hoằng Hoá	-nt-
*	Dự án hoàn thành năm 2011 nhưng chưa có quyết toán được duyệt	203.677	59.887	143.790	37.900		
1	Bảo tồn, tôn tạo di tích Chiến khu Ngọc Trao.	34.017	17.080	16.937	6.700	UBND huyện Thạch Thành	Thanh toán đảm bảo 70% nhu cầu vốn; số vốn còn thiếu sẽ thanh toán sau khi có quyết toán được duyệt và có nguồn.
2	Cải tạo trụ sở làm việc cơ quan Thị ủy Sầm Sơn (phần bổ sung).	2.617		2.617	1.800	Thị ủy Sầm Sơn	-nt-
3	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc UBND - UBND huyện Bá Thước.	15.680	9.500	6.180	1.500	UBND huyện Bá Thước	-nt-
4	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc cơ quan UBND - UBND tỉnh.	6.453	4.000	2.453	600	Văn phòng UBND tỉnh	
5	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh mương đồng muối xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia.	4.708	2.200	2.508	1.100	UBND huyện Tĩnh Gia	-nt-
6	Nâng cấp trạm bơm tưới xã Vĩnh Minh, Vĩnh Lộc.	2.549	1.200	1.349	600	UBND huyện Vĩnh Lộc	-nt-
7	Cải tạo, nâng cấp công sở làm việc của cơ quan Đảng uỷ khối dân chính Đảng.	3.819	2.500	1.319	300	Đảng uỷ khối các cơ quan tỉnh	-nt-
8	Trụ sở Huyện uỷ Quan Sơn (thang mục cải tạo nhà làm việc và các công trình phụ trợ).	4.834	3.000	1.834	300	Huyện uỷ Quan Sơn	-nt-
9	Tu sửa đê, kè, cống địa phương.	129.000	20.407	108.593	25.000		Chi tiết có phụ biểu 4 kèm theo.
III	Dự án chuyển tiếp	878.387	344.910	533.477	171.956		
*	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2012	438.164	189.310	248.854	95.077		

1	2	3	4	5	6	7	8
1	Đền thờ các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các anh hùng liệt sỹ - Hàm Rồng.	89.000	29.700	59.300	10.000	Sở Xây dựng	Kết hợp với nguồn huy động hợp pháp khác để hoàn thành trước ngày 30/6/2012 các hạng mục đền thờ chính, san nền, chống mối, gác chuông, gác trống, hồ bán nguyệt, bậc đá, lan can, sân đường nội bộ.
2	Bồi thường GPMB dự án Đền thờ các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các anh hùng liệt sỹ - Hàm Rồng.	18.454	11.500	6.954	6.954	UBND TP. Thanh Hoá	Hoàn thành GPMB để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.
3	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở làm việc Sở Xây dựng Thanh Hoá.	2.473	1.000	1.473	1.000	Sở Xây dựng	Hoàn thành phần cải tạo nhà làm việc hiện đang sử dụng.
4	Trụ sở hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh.	52.757	21.000	31.757	10.000	Sở Xây dựng	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
5	Xây dựng nhà tang lễ tỉnh.	68.152	42.000	26.152	7.000	Sở Xây dựng	-/-
6	Trung tâm y tế thị xã Sầm Sơn.	14.828	2.550	12.278	7.700	Sở Y tế	-/-
7	Trụ sở làm việc cơ quan Huyện uỷ Yên Định.	16.480	3.500	12.980	7.800	Huyện uỷ Yên Định	-/-
8	Mở rộng Trụ sở làm việc của UBND huyện Tĩnh Gia (phần NS tính hỗ trợ).	7.354	1.500	5.854	3.600	UBND Huyện Tĩnh Gia	-/-
9	Trụ sở làm việc hợp khối liên cơ quan Ủy ban MTTQ và Hội LHPN.	27.663	18.485	9.178	900	Ủy ban MTTQ tỉnh	-/-
10	Nhà làm việc trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình các huyện: Ngọc Lặc, Thạch Thành, Thường Xuân, Thọ Xuân, Hoằng Hoá.	7.110	1.050	6.060	3.900	Chi cục Dân số - KHH gia đình Thanh Hoá	-/-
11	Nhà làm việc Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Nông Công.	1.840	350	1.490	1.000	Chi cục Dân số - KHH gia đình Thanh Hoá	-/-
12	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh.	30.189	18.200	11.989	2.700	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh	-/-
13	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn Quan Sơn.	9.191	4.500	4.691	1.800	UBND huyện Quan Sơn	-/-
14	Đường Trần Hưng Đạo nối với QL1A, thị xã Bim Sơn.	27.633	13.000	14.633	6.000	UBND thị xã Bim Sơn	-/-
15	Nhà làm việc tạm và kho bảo quản hiện vật khu DTLS Thành Nhà Hồ, huyện Vĩnh Lộc.	9.508	2.000	7.508	4.700	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	-/-
16	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Hoằng Hoá.	6.096	3.000	3.096	1.200	Huyện uỷ Hoằng Hoá	-/-
17	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Bảo tàng tỉnh.	6.760	3.200	3.560	1.500	Sở Xây dựng	-/-



1	2	3	4	5	6	7	8
18	Trạm BVTV các huyện Thường Xuân, Quan Sơn, Sơn Sơn.	7.481	2.575	4.906	2.646	Chi cục bảo vệ thực vật tỉnh	-n/-
19	Sửa chữa, nâng cấp Trường THPT chuyên Lam Sơn.	7.922	1.200	6.722	4.300	Trường THPT chuyên Lam Sơn	-n/-
20	Khu tưởng niệm dân công đã hy sinh tại hàng Co Phường, xã Phú Lê, huyện Quan Hoá.	4.259		4.259	3.000	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	-n/-
21	Sửa chữa trụ sở làm việc cơ quan Tỉnh ủy Thanh Hoá.	3.353		3.353	2.300	Văn phòng Tỉnh ủy Thanh Hoá	-n/-
22	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm kiểm nghiệm Thanh Hoá đạt chất lượng GLP (GD I).	11.048	4.000	7.048	4.000	Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh Thanh Hoá	Hoàn thành giai đoạn I.
23	Hệ thống cầu treo và tràn miền núi (hạng mục tràn liên hợp).	8.613	5.000	3.613	1.077	Sở Giao thông Vận tải	Hoàn thành các hạng mục: tràn Liên Hiệp, tràn Đồng Mộc, tràn Đồng Hội.
*	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2012	440.223	155.600	284.623	76.879		
1	Trường Cao đẳng Văn hoá - Nghệ thuật Thanh Hoá (GD I).	130.997	35.500	95.497	20.000	Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tiếp tục thực hiện dự án.
2	Trường cao đẳng Thể dục Thể thao.	84.794	44.000	40.794	9.000	Trường cao đẳng Thể dục Thể thao	Hoàn thành dự án (không bao gồm hạng mục nhà hiệu bộ).
3	Trường cao đẳng Y tế Thanh Hoá.	53.552	31.100	22.452	8.000	Trường cao đẳng Y tế Thanh Hoá	Hoàn thành dự án (không bao gồm hạng mục nhà ký túc xá).
4	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng trung tâm Bảo trợ xã hội số 2.	22.346	7.500	14.846	3.500	Trung tâm bảo trợ xã hội số 2	Thanh toán khối lượng hoàn thành và hoàn thành các hạng mục khu nuôi dưỡng và chăm sóc người già cô đơn, nghĩa trang; cải tạo nhà hành chính, khu nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ mồ côi; chi khác.
5	Nâng cấp đường Nga Nhân - Nga Thiên - Nga An, huyện Nga Sơn.	29.025	2.000	27.025	8.300	UBND huyện Nga Sơn	Tiếp tục thực hiện dự án.
6	Đường cơ động trong căn cứ hậu phương của tỉnh.	42.745	19.000	23.745	8.079	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	-n/-
7	Cầu Hà Thanh, huyện Hà Trung.	22.478	6.500	15.978	5.000	Sở Giao thông Vận tải	-n/-
8	Đường vào nhà máy Ferrocrom Nam Việt thuộc địa phận xã Văn Sơn, huyện Triệu Sơn (phần NS tính hỗ trợ).	17.619	3.000	14.619	6.000	UBND huyện Triệu Sơn	-n/-
9	Trụ sở làm việc HĐND - UBND huyện Hậu Lộc.	24.694	4.500	20.194	6.000	UBND huyện Hậu Lộc	-n/-

1	2	3	4	5	6	7	8
10	Cấp nước sinh hoạt thị trấn Quan Hoá (phần NS tỉnh hỗ trợ).	11.973	2.500	9.473	3.000	UBND huyện Quan Hoá	-n/-
IV	Dự án khởi công mới và chuẩn bị đầu tư				200.000		Giao UBND tỉnh căn cứ tiến độ chuẩn bị đầu tư và hồ sơ thủ tục, báo cáo Thường trực UBND tỉnh phân bổ vốn chi tiết cho từng dự án.
1	Trung tâm Triển lãm - Hội chợ - Quảng cáo tỉnh Thanh Hóa.					Sở Xây dựng	
2	Bảo tàng tỉnh.					Sở Xây dựng	
3	Thư viện tỉnh Thanh Hóa.					Thư viện tỉnh Thanh Hóa	
4	Hạ tầng sân bay Sao Vàng.					Sở Giao thông Vận tải	
5	Dường Hồ Xuân Hương, TX. Sầm Sơn.					UBND TX. Sầm Sơn	
6	Các dự án phục vụ lễ đón bằng Di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ.					Trung tâm Bảo tồn Di sản Thành Nhà Hồ, UBND huyện Vĩnh Lộc	
7	Công trình thủy lợi chống hạn cho 2 xã Quang Lộc và Liên Lộc, huyện Hậu Lộc.					UBND huyện Hậu Lộc	



Phụ lục 2:

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TẠM DỪNG THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH NĂM 2012
(Nguồn vốn: vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí)



(Kèm theo Quyết định số 74299 /2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	DANH MỤC DỰ ÁN	Tổng mức đầu tư	Đã đầu tư	Vốn còn thiếu	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
TỔNG SỐ		273.976	33.200	240.776		
1	Cầu Mắm Km12+882 đường tỉnh 525, huyện Nông Công.	17.719	7.500	10.219	Sở Giao thông vận tải	Hiện tại cầu cũ (nằm trên tỉnh lộ 525) vẫn đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân; mặt khác, dự án nâng cấp tỉnh lộ 525 (đoạn từ cầu Dò Tráp đến Minh Thọ) đã tạm dừng triển khai thực hiện trong kế hoạch năm 2011 nên việc đầu tư dự án trên là chưa phù hợp. Vì vậy, tạm dừng thực hiện dự án trong kế hoạch năm 2012.
2	Nâng cấp, mở rộng đường vào Nhà máy xi măng Thanh Sơn, huyện Ngọc Lặc.	12.428	4.500	7.928	Sở Giao thông vận tải	Tiến độ thực hiện dự án rất chậm do khó khăn trong công tác GPMB. Hiện nay, dự án đường trục trung tâm đó thị Ngọc Lặc đã hoàn thành nền đường và đi ngang qua nhà máy phục vụ việc vận chuyển thiết bị và thi công nhà máy. Vì vậy, tạm dừng thực hiện dự án trong kế hoạch năm 2012.
3	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn sinh hoạt của TP. Thanh Hóa và các vùng phụ cận (thang mục đường vào khu liên hợp).	29.991	4.700	25.291	Công ty TNHH một thành viên Môi trường và CTĐT Thanh Hóa	Hiện nay chưa có phương án thực hiện dự án xử lý chất thải tại Khu liên hợp, do đó, việc đầu tư tuyến đường vào Khu liên hợp chưa thực sự cần thiết. Vì vậy, tạm dừng thực hiện dự án trong kế hoạch năm 2012.
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ ngã ba thôn 8 xã Tân Ninh đến đền Am Tiên, huyện Triệu Sơn.	44.925	4.000	40.925	UBND huyện Triệu Sơn	Dự án đã có kết quả đầu thầu nhưng chưa triển khai thực hiện do vướng mắc trong GPMB; mặt khác, hiện nay vẫn còn nhiều ý kiến chưa thống nhất về hướng tuyến. Vì vậy, đề nghị tạm dừng thực hiện dự án trong kế hoạch năm 2012.

1	2	3	4	5	6	7
5	Cầu bê tông cốt thép di xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy.	150.528	8.000	122.528	Sở Giao thông vận tải	Do TMDT của dự án rất lớn, vượt quá khả năng cân đối của ngân sách tỉnh. Vì vậy, đề nghị tạm dừng để chuyển đổi hình thức đầu tư hoặc tranh thủ các nguồn hợp pháp khác.
6	Cải tạo, nâng cấp đường vào các cơ quan huyện Tĩnh Gia.	38.385	4.500	33.885	UBND huyện Tĩnh Gia	Tiến độ thực hiện dự án chậm do vướng mắc trong GPMB (đoạn Km00+00-Km0+296) và khó khăn trong cân đối nguồn vốn. Vì vậy, tạm dừng thực hiện dự án trong kế hoạch năm 2012.



Phụ biểu 1:

**CHỦ TIẾT KẾ HOẠCH HỒ TRỢ ĐÀU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
THEO QUYẾT ĐỊNH 2539/QĐ-UBND NGÀY 5/8/2009 CỦA UBND TỈNH THANH HÓA**
(Kèm theo Quyết định số 4.299 /2011/QĐUBND ngày 21 tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	ĐƠN VỊ	Nhu cầu vốn (Phần NS tính hỗ trợ)	Đã đầu tư	Vốn còn thiếu	Kế hoạch năm 2012	Ghi chú
	TỔNG SỐ	27.726	21.176	6.550	6.550	
1	Huyện Quan Sơn					
-	Nhà lớp học 3 tầng 18 phòng - cơ sở II - Trường THPT Quan Sơn.	5.818	4.530	1.288	1.288	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.
2	Huyện Thường Xuân					
-	Trường THPT Thường Xuân II.	6.040	5.110	930	930	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.
3	Huyện Như Xuân					
-	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THPT Như Xuân II.	7.372	5.950	1.422	1.422	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.
-	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng Trường THPT Như Xuân.	3.978	2.130	1.848	1.848	-nl-
-	Nhà lớp học 2 tầng 14 phòng Trường THPT Như Xuân.	4.518	3.456	1.062	1.062	-nl-

Phụ biểu 2:

**CHI TIẾT KẾ HOẠCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TRỪ SỔ CƠ QUAN HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 3923/2006/QĐ-UBND NGÀY 29/12/2006 CỦA UBND TỈNH THANH HÓA**

(Nguồn vốn: vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí)

(Kèm theo Quyết định số 4299 /2011/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	DANH MỤC DỰ ÁN	Vốn cầu vốn (Phần NS tỉnh đầu tư)	Đã đầu tư	Vốn còn thiếu	Kế hoạch năm 2012	Chủ đầu tư	Ghi chú
	TỔNG SỐ	42.856	30.220	12.636	12.000		
1	Trụ sở xã Hoàng Hải, huyện Hoàng Hòa.	2.643	2.270	373	373	UBND xã Hoàng Hải	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.
2	Trụ sở xã Hà Phú, huyện Hà Trung.	2.385	1.760	625	625	UBND xã Hà Phú	-nt-
3	Trụ sở xã Đông Lộc, huyện Hậu Lộc.	2.850	2.200	650	650	UBND xã Đông Lộc	-nt-
4	Trụ sở xã Minh Châu, huyện Triệu Sơn.	1.706	1.250	456	456	UBND xã Minh Châu	-nt-
5	Trụ sở xã Thiệu Tân, huyện Thiệu Hóa.	2.074	1.380	694	694	UBND xã Thiệu Tân	-nt-
6	Trụ sở xã Tế Thảng, huyện Nông Cống.	1.858	950	908	908	UBND xã Tế Thảng	-nt-
7	Trụ sở xã Xuân Lai, huyện Thọ Xuân.	1.834	1.320	514	514	UBND xã Xuân Lai	-nt-
8	Trụ sở xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Thủy.	1.787	1.540	247	247	UBND xã Cẩm Thạch	-nt-
9	Trụ sở xã Cẩm Sơn, huyện Cẩm Thủy.	1.510	1.410	100	100	UBND xã Cẩm Sơn	-nt-
10	Trụ sở thị trấn Cẩm Thủy.	2.075	1.440	635	635	UBND thị trấn Cẩm Thủy	-nt-
11	Trụ sở xã Trí Nang, huyện Lang Chánh.	4.992	2.900	2.092	2.092	UBND xã Trí Nang	-nt-
12	Trụ sở xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân.	4.361	2.660	1.701	1.701	UBND xã Yên Nhân	-nt-
13	Trụ sở xã Tam Lư, huyện Quan Sơn.	3.753	2.840	913	913	UBND xã Tam Lư	-nt-
14	Trụ sở xã Nam Tiến, huyện Quan Hóa.	2.928	2.300	628	628	UBND xã Nam Tiến	-nt-
15	Trụ sở xã Hoàng Trinh, huyện Hoàng Hòa.	3.180	2.200	980	664	UBND xã Hoàng Trinh	Thanh toán khối lượng hoàn thành
16	Trụ sở xã Trung Tiến, huyện Quan Sơn.	2.920	1.800	1.120	800	UBND xã Trung Tiến	-nt-

Phụ biểu 3:

CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐỐI ỨNG CHO CÁC DỰ ÁN ODA VÀ DỰ ÁN TRUNG ƯƠNG ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2012

(Kèm theo Quyết định số

4299 /2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

(Nguồn vốn: vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí)

Đơn vị tính: triệu đồng.

Số TT	DANH MỤC DỰ ÁN	Yêu cầu vốn	Đã đầu tư	Vốn còn thiếu	Kế hoạch năm 2012	Chủ đầu tư	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	171.286	88.953	82.333	68.000		
1	Hệ thống tưới huyện Thạch Thành thuộc Dự án thủy lợi miền Trung do ADB4 tài trợ.	60.372	40.235	20.137	5.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đến nay, dự án đã thi công với giá trị khối lượng thực hiện đạt khoảng 85% nên đề nghị bổ sung vốn đối ứng để kết hợp với vốn ADB4 hoàn thành dự án trong Quý I/2012.
2	Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp miền Trung do ADB và AFD tài trợ.	29.211	17.218	11.993	4.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Dự án đã triển khai thực hiện 17/17 gói thầu với giá trị khối lượng thực hiện đạt khoảng 55%, đề nghị bổ sung vốn đối ứng để kết hợp với nguồn vốn ADB và AFD hoàn thành dự án trong năm 2012.
3	Hỗ trợ y tế các tỉnh Bắc Trung Bộ do WB tài trợ (gồm 7 dự án Trung tâm y tế tuyến huyện, gồm: Thường Xuân, Quan Sơn, Quan Hóa, Cẩm Thủy, Thạch Thành, Như Xuân, Lang Chánh).	49.120	11.000	38.120	7.000	Sở Y tế	Dự án được WB tài trợ nhà làm việc chính khu B và đã triển khai thực hiện năm 2011, đến nay, giá trị khối lượng thực hiện đạt khoảng 65%; đề nghị bổ sung vốn đối ứng để hoàn thành dự án (NS tính bố trí các hạng mục còn lại).
4	Tiểu dự án tuyển cạnh tranh giai đoạn 2 tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án Phát triển cấp nước đô thị Việt Nam do WB tài trợ.	32.583	20.500	12.083	2.000	Công ty TNHH một thành viên cấp nước Thanh Hóa	Dự án đang triển khai thực hiện 6/6 gói thầu, giá trị khối lượng thực hiện đạt khoảng 75%, đề nghị bổ trí bổ sung vốn đối ứng để dự án sẽ hoàn thành trong năm 2012.
5	Các dự án khác.				50.000		Giao UBND tỉnh phân bổ vốn chi tiết cho các dự án ODA và các dự án Trung ương đầu tư trên địa bàn theo tiến độ thực hiện.

CHI TIẾT KẾ HOẠCH TƯ SỬA ĐÊ, KÊ, CÔNG ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2012
(Kèm theo Quyết định số 4299 /2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	DANH MỤC DỰ ÁN	Yên cầu vốn	Đã đầu tư	Vốn còn thiếu	Kế hoạch năm 2012	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	112.515	12.620	99.895	25.000		
I	Các dự án hoàn thành đã có quyết toán được duyệt	31.562	12.620	18.942	18.942		
1	Đê tả sông Hoàng xã Đông Ninh, Đông Hoà, huyện Đông Sơn (điểm xung yếu).	1.393	660	733	733	UBND huyện Đông Sơn	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.
2	Đê tả sông Hoàng xã Đông Hoàng, huyện Đông Sơn (năm 2008)	1.291	680	611	611	UBND huyện Đông Sơn	-nt-
3	Đê hữu sông Hoạt đoạn xã Nga Thắng, Ba Đình, huyện Nga Sơn (năm 2009).	3.739	1.760	1.979	1.979	UBND huyện Nga Sơn	-nt-
4	Đê tả sông Hoàng xã Quảng Chính, xã Quảng Khê, huyện Quảng Xương (năm 2010).	9.066	2.170	6.896	6.896	UBND huyện Quảng Xương	-nt-
5	Tu bổ, khôi phục tuyến đê hữu sông yên xã Thanh Thủy, huyện Tĩnh Gia (đoạn từ Km0 tại trạm bơm tiêu xã Thanh Thủy đến Km1+100) (năm 2010).	2.696	1.270	1.426	1.426	UBND huyện Tĩnh Gia	-nt-
6	Tôn cao, áp trục đê hữu sông Hoạt xã Hà Vân, huyện Hà Trung (năm 2010).	2.724	1.300	1.424	1.424	UBND huyện Hà Trung	-nt-
7	Tôn cao, áp trục đê đông Kênh De xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc (năm 2010).	3.525	1.530	1.995	1.995	UBND huyện Hậu Lộc	-nt-
8	Đê hữu sông Yên xã Trường Minh, huyện Nông Cống (năm 2010).	4.812	2.200	2.612	2.612	UBND huyện Nông Cống	-nt-
9	Tôn cao áp trục đê hữu sông Hoàng xã Khuỷn Nông, huyện Triệu Sơn (năm 2010).	2.316	1.050	1.266	1.266	UBND huyện Triệu Sơn	-nt-
II	Các dự án thực hiện năm 2011	80.953		80.953	6.058		
1	Đê tả sông Hoạt xã Hà Thanh, huyện Hà Trung (năm 2011).	3.928		3.928	290	UBND huyện Hà Trung	Thanh toán khối lượng hoàn thành, số vốn còn thiếu sẽ thanh toán sau khi có quyết toán được duyệt và có nguồn.

1	2	3	4	5	6	7	8
2	Tôn cao áp trực và đổ bê tông mặt đê tả sông Hoạt xã Quang Trung, thị xã Bim Sơn (năm 2011).	2.915		2.915	210	UBND thị xã Bim Sơn	-n/-
3	Tu bổ đê hữu sông Cầu Chày, xã Thọ Thắng, huyện Thọ Xuân (năm 2011).	4.544		4.544	340	UBND huyện Thọ Xuân	-n/-
4	Đê hữu sông Cầu Hung xã Xuân Lâm, huyện Tinh Gia (năm 2011).	4.291		4.291	320	UBND huyện Tinh Gia	-n/-
5	Đê tả sông Hoàng xã Quảng Long, huyện Quảng Xương (năm 2011).	4.851		4.851	360	UBND huyện Quảng Xương	-n/-
6	Đê hữu sông Càn, xã Nga Phú đoạn từ K0-K0+700, huyện Nga Sơn (năm 2011).	4.651		4.651	350	UBND huyện Nga Sơn	-n/-
7	Đê tả sông Âu xã Thuần Lộc, huyện Hậu Lộc (từ đập Bộ Đầu đến làng Nhuệ Thôn xã Thuần Lộc) (năm 2011).	5.297		5.297	400	UBND huyện Hậu Lộc	-n/-
8	Kè chống sạt lở bờ tả sông Bưởi tại K18+750-K19+050 tuyến đường 523 xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành (năm 2011).	5.896		5.896	440	UBND huyện Thạch Thành	-n/-
9	Công Sơn Cương đê hữu sông Hoàng, xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn (năm 2011).	1.593		1.593	138	UBND huyện Triệu Sơn	-n/-
10	Đê hữu sông Nhom đoạn từ K17+600-K20+100, xã Trung Thành, huyện Nông Cống (năm 2011).	5.094		5.094	380	UBND huyện Nông Cống	-n/-
11	Đê hữu sông Hoàng xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn (năm 2011).	10.016		10.016	750	UBND huyện Triệu Sơn	Hoàn thành và quyết toán theo quy định.
12	Đê hữu sông Cầu Chày xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hoá (năm 2011).	7.185		7.185	540	UBND huyện Thiệu Hoá	-n/-
13	Đê tả sông Hép xã Yên Tâm- Yên Giang, huyện Yên Định (năm 2011).	5.409		5.409	400	UBND huyện Yên Định	-n/-
14	Đê đông sông Cùng đoạn từ K3+650-K5+950, xã Hoảng Ngọc, huyện Hoảng Hoá (năm 2011).	10.534		10.534	790	UBND huyện Hoảng Hoá	-n/-
15	Đê tả sông Chu xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân (năm 2011).	4.749		4.749	350	UBND huyện Thường Xuân	-n/-

